

Số: 1187/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;*

*Xét đề nghị của Viện Thuốc phóng Thuốc nổ tại Công văn số 714/TPTN-TTĐĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 kèm theo Đơn và Hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động chứng nhận sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định Viện Thuốc phóng Thuốc nổ; Địa chỉ: Số 192 Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (Mã số VACAS 003-PRO) thực hiện việc chứng nhận đối với sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Mã số chỉ định: 02.25.CN-VLNCN.

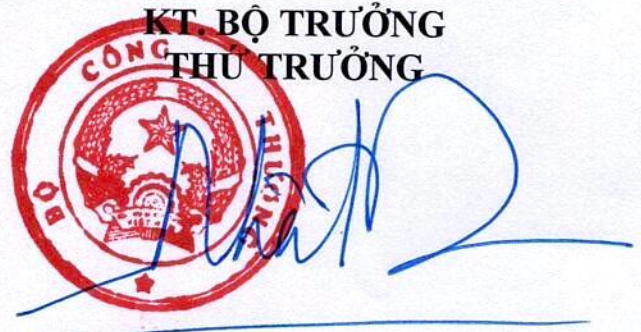
**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 2365/QĐ-BCT ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Bộ Công Thương và có hiệu lực 05 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Viện Thuộc phóng Thuộc nổ có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

**Điều 4.** Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&CN (để biết);
- Các Cục: ATMT, HC;
- Văn phòng Bộ (để đăng thông báo);
- Lưu: VT, ĐCK. (Congnc).



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**

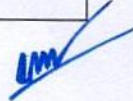


## PHỤ LỤC

**DANH MỤC SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN  
CHẤT THUỐC NỔ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CHỨNG NHẬN**

(Kèm theo Quyết định số 1187/QĐ-BCT ngày 25 tháng 4 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| TT  | Tên sản phẩm<br>chứng nhận                                                                        | Quy chuẩn, quy trình, tài liệu<br>phục vụ chứng nhận |                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |                                                                                                   | (Đến hết ngày<br>30/6/2025)                          | (Từ ngày 01/7/2025)                |
| 1.  | Thuốc nổ Amonit AD1                                                                               | QCVN<br>07:2015/BCT                                  | QCVN 12-23:2024/BCT<br>QT-CNSP.01* |
| 2.  | Thuốc nổ TNP1                                                                                     | QCVN 12-1:2021/BCT<br>QT-CNSP.01                     |                                    |
| 3.  | Thuốc nổ bột không có TNT<br>dùng cho lộ thiên                                                    | QCVN 12-4:2021/BCT<br>QT-CNSP.01                     |                                    |
| 4.  | Thuốc nổ ANFO                                                                                     | QCVN<br>04:2012/BCT                                  | QCVN 12-27:2024/BCT<br>QT-CNSP.01  |
| 5.  | Thuốc nổ ANFO chịu nước                                                                           | QCVN 12-9:2022/BCT<br>QT-CNSP.01                     |                                    |
| 6.  | Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ<br>thiên                                                           | QCVN 04:2020/BCT<br>QT-CNSP.01                       |                                    |
| 7.  | Thuốc nổ nhũ tương năng lượng<br>cao dùng cho lộ thiên                                            | QCVN 03:2020/BCT<br>QT-CNSP.01                       |                                    |
| 8.  | Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ<br>hầm lò, công trình ngầm không<br>có khí nổ                      | QCVN<br>05:2012/BCT                                  | QCVN 12-26:2024/BCT<br>QT-CNSP.01  |
| 9.  | Thuốc nổ nhũ tương tạo biên<br>dùng cho lộ thiên và mỏ hầm lò,<br>công trình ngầm không có khí nổ | QCVN 12-16:2023/BCT<br>QT-CNSP.01                    |                                    |
| 10. | Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng<br>cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê<br>tan siêu hạng              | QCVN 05:2020/BCT<br>QT-CNSP.01                       |                                    |
| 11. | Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng<br>cho mỏ hầm lò có khí nổ                                        | QCVN 06:2020/BCT<br>QT-CNSP.01                       |                                    |
| 12. | Thuốc nổ nhũ tương rời                                                                            | QCVN 12-10:2022/BCT<br>QT-CNSP.01                    |                                    |
| 13. | Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói                                                                    | QCVN 12-2:2021/BCT<br>QT-CNSP.01                     |                                    |
| 14. | Môi nổ dùng cho thuốc nổ công<br>nghiệp                                                           | QCVN<br>08:2015/BCT                                  | QCVN 12-24:2024/BCT<br>QT-CNSP.02  |
| 15. | Môi nổ tăng cường                                                                                 | QCVN 12-11:2022/BCT;<br>QT-CNSP.02                   |                                    |





| TT  | Tên sản phẩm<br>chứng nhận                                                                                 | Quy chuẩn, quy trình, tài liệu<br>phục vụ chứng nhận |                                   |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                                                                                                            | (Đến hết ngày<br>30/6/2025)                          | (Từ ngày 01/7/2025)               |
| 16. | Mìn phá đá quá cỡ                                                                                          | QCVN 12-3:2021/BCT;<br>QT-CNSP.02                    |                                   |
| 17. | Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT)                                                                              | QCVN 12-12:2022/BCT<br>QT-CNSP.03                    |                                   |
| 18. | Thuốc nổ Hexogen                                                                                           | QCVN 12-13:2022/BCT;<br>QT-CNSP.03                   |                                   |
| 19. | Thuốc nổ Octogen                                                                                           | QCVN 12-17:2023/BCT;<br>QT-CNSP.03                   |                                   |
| 20. | Thuốc nổ Pentrit (TEN)                                                                                     | QCVN 12-18:2023/BCT;<br>QT-CNSP.03                   |                                   |
| 21. | Kíp nổ đốt số 8                                                                                            | QCVN 03:2015/BCT                                     | QCVN 12-29:2024/BCT<br>QT-CNSP.02 |
| 22. | Kíp nổ điện số 8                                                                                           | QCVN 02:2015/BCT                                     | QCVN 12-25:2024/BCT<br>QT-CNSP.02 |
| 23. | Kíp nổ điện vi sai                                                                                         | QCVN 02:2015/BCT                                     | QCVN 12-28:2024/BCT<br>QT-CNSP.02 |
| 24. | Kíp nổ điện vi sai an toàn                                                                                 | QCVN 12-14:2023/BCT<br>QT-CNSP.02                    |                                   |
| 25. | Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ                                                                            | QCVN 12-20:2023/BCT<br>QT-CNSP.02                    |                                   |
| 26. | Kíp nổ vi sai phi điện trên mặt<br>dùng cho lộ thiên, mỏ hầm lò,<br>công trình ngầm không có khí bụi<br>nổ | QCVN 12-21:2023/BCT<br>QT-CNSP.02                    |                                   |
| 27. | Kíp nổ vi sai phi điện dùng cho<br>mỏ hầm lò/ đường hầm không có<br>khí bụi nổ                             | QCVN 12-22:2023/BCT<br>QT-CNSP.02                    |                                   |
| 28. | Kíp vi sai phi điện MS                                                                                     | QCVN 12-5:2022/BCT<br>QT-CNSP.02                     |                                   |
| 29. | Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP                                                                             | QCVN 12-6:2022/BCT<br>QT-CNSP.02                     |                                   |
| 30. | Kíp nổ điện tử                                                                                             | QCVN 12-19:2023/BCT;<br>QT-CNSP.02                   |                                   |
| 31. | Dây dẫn tín hiệu nổ                                                                                        | QCVN 12-15:2023/BCT<br>QT-CNSP.02                    |                                   |
| 32. | Dây nổ chịu nước                                                                                           | QCVN 04:2015/BCT                                     | QCVN 12-31:2024/BCT<br>QT-CNSP.02 |
| 33. | Dây nổ thường                                                                                              | QCVN 12-7:2022/BCT<br>QT-CNSP.02                     |                                   |

| TT  | Tên sản phẩm<br>chứng nhận                                                                                                              | Quy chuẩn, quy trình, tài liệu<br>phục vụ chứng nhận |                                   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                                                                                                                                         | (Đến hết ngày<br>30/6/2025)                          | (Từ ngày 01/7/2025)               |
| 34. | Dây cháy chậm công nghiệp                                                                                                               | QCVN<br>06:2015/BCT                                  | QCVN 12-30:2024/BCT<br>QT-CNSP.02 |
| 35. | Kíp khởi nổ phi điện (cuộn dây<br>LIL)                                                                                                  | QCVN 12-8:2022/BCT<br>QT-CNSP.02                     |                                   |
| 36. | Amôni Nitrat dùng để sản xuất<br>thuốc nổ ANFO (Amoni Nitrat<br>hạt xốp)                                                                | QCVN 03:2012/BCT<br>QT-CNSP.04                       |                                   |
| 37. | Amôni Nitrat dùng để sản xuất<br>thuốc nổ nhũ tương (Amoni<br>Nitrat hạt tinh thể)                                                      | QCVN 05:2015/BCT<br>QT-CNSP.04                       |                                   |
| 38. | Tiền chất nổ sử dụng để sản xuất<br>vật liệu nổ công nghiệp: Natri<br>nitrat, Natri clorat, Kali nitrat,<br>Kali clorat, Kali perclorat | QCVN 04A:2020/BCT<br>QT-CNSP.04                      |                                   |

**\* Ghi chú:**

- QT-CNSP.xx: Quy trình chứng nhận của Viện thuốc phóng thuốc nổ.